

NHỮNG NHÂN TỐ TIÊU CỰC TRONG QUAN HỆ VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

TS. ĐỖ MINH CAO

Năm 2011 là năm kỷ niệm 20 năm bình thường hóa quan hệ Việt-Trung. Đã có nhiều bước phát triển mới trong quan hệ song phương. Hai nước đã xác định phương châm phát triển mối quan hệ: *“láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai”* (tháng 2-1999), theo tinh thần 4 tốt: *“láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt”*. Năm 2008, mối quan hệ này được nâng lên tầm *“đối tác hợp tác chiến lược toàn diện”*. Rõ ràng, trong suốt 20 năm qua, mối quan hệ Việt Nam - Trung Quốc nhìn chung là tốt đẹp. Tuy nhiên, mối quan hệ này có thể còn phát triển hơn nữa nếu không có những nhân tố tiêu cực, nhiều khi là lực cản mà hai nước cần nhận ra và tìm cách khắc phục. Có những yếu tố tiêu cực mang tính nguyên tắc, mà để giải quyết được, lãnh đạo cũng như nhân dân hai nước phải có tầm nhìn chiến lược và tinh thần hữu nghị chân thành. Làm được điều này, những thế hệ mai sau của hai nước mới

mong đạt được phương châm “16 chữ ” và “tinh thần bốn tốt” với nội hàm thực sự và mối quan hệ hai nước mới có cơ hội phát triển bền vững.

Những nhân tố tiêu cực đó là:

- 1) Có quá nhiều sự tương đồng.
- 2) Sự chênh lệch về trình độ phát triển.
- 3) Lợi ích dân tộc
- 4) Sức mạnh mềm

I. MẶT TRÁI CỦA NHỮNG TƯƠNG ĐỒNG

Rất nhiều nhà khoa học và nhà nghiên cứu trên thế giới khi viết về quan hệ Việt Nam-Trung Quốc thường chú ý quá nhiều đến những tương đồng giữa hai nước, cho đây là những nhân tố quan trọng làm hai nước gắn bó mật thiết với nhau, là nguyên nhân dẫn đến những “thắng lợi chung” của hai nước. Có thể kể ra rất nhiều tương đồng: về lý tưởng-chủ nghĩa Mác-Lênin, về văn hóa-Khổng giáo, Phật giáo,.. về kinh tế- coi

trọng tăng trưởng, cần môi trường hòa bình ổn định...

Tuy nhiên, mặt trái của những tương đồng này đã ảnh hưởng không ít tới quan hệ hai nước.

Nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam học trong và ngoài nước cho rằng, vì Việt Nam và Trung Quốc có nhiều tương đồng nên trong sự thành công được cả thế giới công nhận vừa qua của Trung Quốc có nhiều kinh nghiệm và bài học “quý báu” cho Việt Nam. Vì vậy trong rất nhiều nghiên cứu về Trung Quốc của các học giả Việt Nam luôn có phần đề cập đến những vấn đề này, cho rằng, nghiên cứu Trung Quốc là nhằm giúp Việt Nam phát triển ổn định và lâu dài.

Có một thực tế là, những kinh nghiệm và bài học mà các nhà khoa học Việt Nam nêu ra đa phần nhìn nhận theo hướng “tích cực”, nhiều khi là sự tuyên truyền một cách “vô tư” và không công cho mô hình Trung Quốc và thiếu những suy xét đến cội nguồn, không mang tính khoa học tổng hợp thực sự. Xin lưu ý rằng, đa phần các nhà Trung Quốc học Việt Nam chỉ biết một ngoại ngữ là tiếng Trung. “Dấu ấn Trung Quốc” trong các nghiên cứu của họ rất rõ nét. Đồng thời, khi nghiên cứu về Trung Quốc, nhiều nhà nghiên cứu lại không thấu hiểu tình hình cụ thể của Việt Nam, do vậy nhiều khi những đánh giá về bài học và kinh nghiệm của Trung Quốc đối với Việt Nam luôn thiếu tính khoa học, khách quan.

Khi nói về sự tương đồng về chế độ chính trị và con đường phát triển mà hai nước lựa chọn, nhiều người không nghĩ rằng, chính mặt trái của sự tương đồng ấy đã làm cho sự phát triển của Việt Nam thiếu tính sáng tạo, đôi khi có những sự rập khuôn không cần thiết.

Một thí dụ: Trung Quốc có cải cách và mở cửa thì Việt Nam có đổi mới, nội hàm của chúng khá giống nhau, sự khác biệt chỉ là ở thời điểm bắt đầu và một vài chi tiết trong khi thực hiện. Cái buồn cho Việt Nam là về mặt lý luận, nhiều khi Việt Nam cứ chờ xem Trung Quốc có những đổi mới gì sau những đại hội Đảng của họ, xem xem họ có thành công hay không, trong trường hợp thành công thì học tập. Nhưng sự thật nhiều khi không được như thế. Rất nhiều những ý tưởng, tư tưởng, quan điểm của Trung Quốc về mặt lý luận đã được Việt Nam áp dụng một cách “nhuần nhuyễn” đến buồn cười. Tam nông là một ví dụ. Tôi không dám phê phán Việt Nam, nhưng Việt Nam phải có cách làm mới, sáng tạo hơn và không nên để thế giới hiểu lầm đáng tiếc.

Về mục tiêu, “Tam nông” của Trung Quốc hướng tới giải quyết những vấn đề tồn tại trong nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Vì sao Trung Quốc phải tiến hành “Tam nông”? Vào thời điểm trước khi đi tới quyết định thực hiện chính sách trên khoảng 30 năm trước, Trung Quốc đã phải đứng trước một núi vấn đề

nếu không giải quyết thì xã hội Trung Quốc có thể không tiến lên được: Đó là: 1/ Nông nghiệp Trung Quốc không sản xuất đủ lương thực nuôi chính người dân Trung Quốc. 2/ Nông thôn Trung Quốc quá lạc hậu, sự giãn cách giữa nông thôn và thành thị lớn, mà theo GS-TS Lý Ninh Huy, Viện Nghiên cứu Kinh tế và Phát triển Nông nghiệp (Viện Khoa học Nông nghiệp Trung Quốc), thì “vấn đề cốt lõi của “Tam nông” là giải quyết sự chênh lệch thu nhập giữa cư dân thành thị và nông thôn”⁽¹⁾. 3/ Cải cách chế độ hộ tịch trong vấn đề nông thôn. Như vậy, bối cảnh phát triển kinh tế-xã hội Trung Quốc thời kỳ đó buộc Trung Quốc phải tiến hành chính sách “Tam nông” và đó được cho là sáng tạo mới về mặt phát triển lý luận của Trung Quốc. Tuy nhiên, đến nay, mặc dù “Tam nông” vẫn đang được tiến hành tại Trung Quốc nhưng kết quả thì sao? Thời gian đã khá đủ để tổng kết những thành tựu và những vấn đề còn tồn tại của chính sách này. Nhìn chung, với những con số không khan đưa ra thì “Tam nông” của Trung Quốc là một thắng lợi. Các nhà khoa học Trung Quốc đã nêu lên 7 thành tựu: Xóa bỏ thuế nông nghiệp; Thực hiện giáo dục nghĩa vụ (9 năm) miễn phí toàn diện; Bước đầu thành lập được hệ thống y tế công và hệ thống dịch vụ khám chữa bệnh cơ bản khắp nông thôn; Hỗ trợ việc học nghề cho các tầng lớp thu nhập thấp trong toàn xã hội; Thành lập chế độ bảo

đảm mức sinh hoạt thấp nhất ở nông thôn; Cấp tài chính cho xây dựng cơ sở hạ tầng. Nhưng bốn vấn đề tồn tại là gì? 1/ Chưa giải quyết vấn đề ngành nghề hoá nông nghiệp (một số người dịch thuật ngữ của Trung Quốc là “sản nghiệp hóa nông nghiệp”), trong đó, hoạt động của dây chuyền “sản xuất - cung cấp - tiêu thụ” chiếm vai trò rất quan trọng. Hơn nữa, hiện nay, nông nghiệp Trung Quốc vẫn ở trong tình trạng tự cung tự túc, chưa hình thành kinh tế qui mô; 2/ Chưa cải cách chế độ hộ tịch trong vấn đề nông thôn. Đến nay, sức lao động thừa đến từ nông thôn đang là vấn đề nan giải đối với xã hội Trung Quốc; 3/ Trong vấn đề nông dân có hai điều: Tổ chất và giảm nhẹ đóng góp. Tổ chất văn hoá của nông dân còn thấp. Một số địa phương cá biệt vẫn chưa nghiêm túc giảm nhẹ đóng góp cho nông dân. “Tam nông” tại địa phương cần giải quyết việc khám, chữa bệnh còn gặp khó khăn. Phần lớn nông dân vào thành phố làm thuê không biết cuối đời giải quyết hậu sự như thế nào; 4/ Không giải quyết được vấn đề cốt lõi của “Tam nông”: Sự chênh lệch giàu nghèo giữa nông thôn và thành thị ngày càng lớn. Chênh lệch giàu nghèo ở Trung Quốc từ 4,5:1 hồi mới bắt đầu cải cách nay đã mở rộng thành 12,66:1⁽²⁾. Chênh lệch về phân phối thể hiện ở khoảng cách giàu nghèo, chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, chênh lệch giữa các vùng, chênh lệch

giữa các ngành nghề không ngừng mở rộng. Chênh lệch thu nhập của cư dân thành thị và nông thôn là 2,52:1 (năm 1998) đến năm 2008 đã mở rộng thành 3,31:1. Chênh lệch thu nhập giữa các vùng Trung và Tây với vùng ven biển ngày càng lớn. Thu nhập của các ngành điện, dầu mỏ, tài chính... cao gấp 10 lần trung bình thu nhập các ngành trong toàn quốc⁽³⁾. Tỷ lệ con em nông dân Trung Quốc vào các trường đại học là rất thấp. Con em nông dân bị bỏ lại phía sau trong giáo dục đào tạo sau phổ thông, do đó mà bị hạn chế con đường tiến thân trong một xã hội phát triển như vũ bão. Hai trường đại học hàng đầu của Trung Quốc là Thanh Hoa và Bắc Kinh, mỗi trường có 3 vạn sinh viên, chủ yếu là con em dân thành thị. Do chi phí học hành và điều kiện tiếp cận kiến thức và kỹ năng để vào đại học hạn chế, năm 1999, sinh viên Đại học Bắc Kinh chỉ có 16,3% đến từ nông thôn (so với 50-60% những năm 1950). Năm 2000, Đại học Thanh Hoa chỉ có 17,6% sinh viên đến từ nông thôn⁽⁴⁾.

Khi so sánh giữa thành tựu và những vấn đề tồn tại của “Tam nông” Trung Quốc, ta không thể nói đó là một thành công, ấy là chưa nói, Trung Quốc phải giải quyết vấn đề môi trường, trong đó nông nghiệp “phân bón” của Trung Quốc góp một phần to lớn). Bảy thành tựu đều mang tính chung chung, nhưng 4 vấn đề tồn tại lại rất cụ thể. Theo tác giả bài viết, “Tam nông” của Trung Quốc, nếu

không nói là thất bại, thì vẫn chưa tằn công như mong muốn.

Còn “Tam nông” của Việt Nam mới được đề ra tại Đại hội lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 2010. Bối cảnh của Việt Nam vào những năm đầu thế kỷ XX khác hẳn so với bối cảnh “Tam nông” của Trung Quốc khi nước này tiến hành chính sách trên. Từ năm 1996 đến nay, Việt Nam luôn là nước xuất khẩu gạo. Hơn nữa, nhiều năm liên Việt Nam là nước xuất khẩu gạo đứng hàng thứ 2 thế giới chỉ sau Thái Lan. Trong giai đoạn từ năm 2008 đến 2010, mức xuất khẩu gạo của Việt Nam khoảng 3,5-4,5 triệu tấn/năm với kim ngạch xuất khẩu khoảng 2,3-3 tỉ USD/năm⁽⁵⁾. Năm 2011, dự kiến xuất khẩu gạo của Việt Nam có thể đạt từ 7,1 đến 7,4 triệu tấn. Riêng 5 tháng đầu năm xuất khẩu gạo của Việt Nam đã khoảng 3,3 triệu tấn với tổng kim ngạch gần 1,6 tỷ USD⁽⁶⁾. Nông nghiệp Việt Nam đã là nông nghiệp hàng hóa hay đã sản nghiệp hóa.

Như vậy, nông nghiệp Việt Nam quả thực là một trong những nền nông nghiệp “mạnh” trên thế giới. Nhiều năm trước, các chuyên gia nông nghiệp Việt Nam đã từng là những giảng viên có giá cho một số nước châu Phi và châu Á.

Đối với nông thôn Việt Nam, trừ những vùng sâu, vùng xa, vùng rừng núi khó khăn, đa phần những làng quê Việt Nam có cuộc sống tương đối ổn định, nhiều làng

nghề Việt Nam không chỉ nổi tiếng trong nước mà còn trên thế giới. Rất nhiều làng đạt tiêu chuẩn Làng văn hóa.

Nông dân Việt Nam vốn cù lao động và có lòng yêu nước nồng nàn, nghiêm chỉnh chấp hành đường lối chính sách của Đảng và Chính phủ. Con em nông dân Việt Nam được học hành tử tế, tỷ lệ học sinh nông thôn vào đại học ở Việt Nam cao hơn nhiều so với một số nước khác, kể cả so với Trung Quốc hiện nay.

Do vậy, đặt “Tam nông” của Việt Nam theo cách hiểu “Tam nông” của Trung Quốc rất không thỏa đáng. Việc giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân của Việt Nam có thể được giải quyết theo hướng khác Trung Quốc. Việt Nam sẽ không phải học tập “Tam nông” Trung Quốc, sẽ không phải lúng túng về vấn đề lý luận mới... Việt Nam cần đột phá về tư duy theo hướng hoàn toàn khác. Có thể chia tách ba vấn đề hoàn toàn khác nhau. Những khâu yếu nhất trong ba vấn đề đó sẽ là ưu tiên giải quyết hàng đầu. Như vậy, với hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của mình, Việt Nam sẽ không bị mô hình Tam nông Trung Quốc làm lấn cấn.

Có thể nói, Trung Quốc đã thành công trong việc “xuất khẩu Tam nông” sang Việt Nam.

“Quy hoạch” đội ngũ lãnh đạo cao cấp của Trung Quốc được cho là lý tưởng để tiếp tục duy trì đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Ở chừng mực nào đó,

đó là sự thật. Những cán bộ kế cận được đào tạo bài bản, sẽ là những “bản sao” của thế hệ đi trước (tuy nhiên cũng có những “sáng tạo” riêng), cho nên nhiều đường lối chủ trương, con đường đã chọn đều được kế thừa và phát huy tối đa. Tuy nhiên, vẫn có chữ “nhưng” trong vấn đề này, nhưng đó là sự tiếp nối nhằm chấn, “bình mới, rượu cũ” của một mô hình, đôi khi đã lỗi thời mà chưa nhận ra được, thí dụ mô hình phát triển của Liên Xô cũ, mô hình phát triển của chính Trung Quốc thời Mao Trạch Đông ... Chúng là một cản trở cho sự đột phá về ý tưởng và mô hình phát triển đất nước. Nếu đội ngũ lãnh đạo cao cấp được hình thành trên cơ sở tuyển chọn nhân tài từ chính nhân dân, trong lòng một “đại dương” trí thức của dân tộc, đôi khi vận mệnh của đất nước lại chuyển biến theo đường hướng khác, với những đột phá mới về tư tưởng, lý luận, thậm chí cả mô hình phát triển đất nước. Ta thấy ở Liên Xô cũ phải đợi có M. Gorbachop, Trung Quốc cuối những năm 70 có Đặng Tiểu Bình, hai nước mới có sự chuyển đổi mô hình phát triển. Xin nhớ, Đặng Tiểu Bình không phải là người do thế hệ lãnh đạo thứ nhất của Trung Quốc chọn lựa và “quy hoạch”. Những ví dụ tuyển chọn nhân tài lãnh đạo đất nước có thể thấy được trong các giá trị phương Tây.

Về mặt kinh tế, nhiều sự tương đồng về phương thức sản xuất, quan hệ sản xuất dẫn tới nhiều kết quả sản xuất

giống nhau. Sự khác biệt là sản phẩm sản xuất hàng hóa của Trung Quốc có tính cạnh tranh cao hơn của Việt Nam làm cho nền công, nông nghiệp Việt Nam gặp rất nhiều khó khăn. Hàng hóa giá rẻ của Trung Quốc không chỉ lấn át hàng hóa của Việt Nam trên trường quốc tế mà ngay trên thị trường nội địa của Việt Nam.

II. SỰ CHÊNH LỆCH VỀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN

Thế giới những năm gần đây chứng kiến sự phát triển kinh tế thần kỳ của Trung Quốc. Tốc độ tăng trưởng GDP trung bình hàng năm thường đạt xấp xỉ 10%, kết quả là Trung Quốc đã trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. Việt Nam cũng là một trong những nước châu Á có tốc độ tăng trưởng GDP bình quân khá cao khoảng 6-7% năm. So với tốc độ tăng trưởng GDP của Trung Quốc thì đó là chỉ báo khiêm tốn.

Vì có nhiều sự tương đồng như đề cập ở phần trên nên trong phát triển kinh tế, Việt Nam phụ thuộc khác nhiều vào Trung Quốc. Rất nhiều ngành, nhất là trong công nghiệp và nông nghiệp, nếu không có thị trường Trung Quốc, Việt Nam sẽ vô cùng khó khăn. Thí dụ trong “Tam nông” của Việt Nam. Việt Nam buộc phải mua nhiều phân bón, giống (nhất là lúa), kỹ thuật và máy móc nông nghiệp của Trung Quốc (do thói quen và giá rẻ).

Rất nhiều nông sản của Việt Nam chỉ có thể tiêu thụ tại thị trường Trung Quốc (cao su, sắn, dưa hấu, vải thiều...). Nắm được tình hình này, nhiều khi thương nhân Trung Quốc ép thương nhân Việt Nam tới mức nhiều doanh nghiệp Việt Nam chịu khá nhiều thiệt thòi.

Như thường kỳ, hàng nông sản Việt Nam xuất sang Trung Quốc luôn ùn tắc tại cửa khẩu Tân Thanh, cửa khẩu Móng Cái. Trong khi hàng Việt Nam vào Trung Quốc rất khó thì ngược lại hàng nông sản từ Trung Quốc sang Việt Nam lại rất dễ dàng. Nguyên nhân cơ bản là do một số rào cản từ phía Trung Quốc đưa ra như hàng xuất sang Trung Quốc bắt buộc phải có bao bì, xuất xứ nhưng các doanh nghiệp, tư thương Việt Nam làm ăn tiểu ngạch thường không chịu đóng bao bì, có khi chỉ đóng sọt, lót rơm khô...⁽⁷⁾

Hậu quả của chênh lệch phát triển là hàng năm Việt Nam nhập siêu quá nhiều từ Trung Quốc và ngày càng phụ thuộc vào Trung Quốc.

Nhập khẩu hàng hóa Trung Quốc của Việt Nam bắt đầu gia tăng mạnh từ năm 2000. Trung Quốc đã trở thành đối tác thương mại nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam, vượt qua cả Nhật Bản và Hàn Quốc.

Trong năm 2010, cán cân thương mại của Việt Nam với Trung Quốc thâm hụt 12,7 tỉ USD, gần bằng với giá trị nhập siêu của toàn bộ nền kinh tế Việt Nam⁽⁸⁾.

Một trong những nguyên nhân quan trọng của việc trên là việc nhập khẩu máy móc thiết bị từ Trung Quốc tăng mạnh. Điều đó xuất phát từ việc các nhà thầu Trung Quốc liên tục thắng thầu ở các công trình lớn và quan trọng tại Việt Nam, chủ yếu là xây dựng các nhà máy nhiệt điện, phân đạm, ximăng, bôxít, đường sắt... Với chi phí nhân công tại Trung Quốc thấp, máy móc thiết bị rẻ hơn và nhận được sự hỗ trợ từ chính sách tỷ giá đồng NDT yếu, đã khiến cho giá bỏ thầu của các doanh nghiệp Trung Quốc cạnh tranh hơn so với các doanh nghiệp nước ngoài khác và các doanh nghiệp Việt Nam⁽⁹⁾.

III. LỢI ÍCH QUỐC GIA

Trung Quốc coi lợi ích quốc gia là “lợi ích cốt lõi”, do vậy trong mọi thời kỳ lịch sử, trong quan hệ với các nước khác trên thế giới, họ đều đặt lợi ích quốc gia lên hàng đầu. Không phải ngẫu nhiên mà gần đây trong nhiều tài liệu quốc tế thường bắt gặp cái gọi là “Chủ nghĩa thực dân Trung Quốc”. Trong quan hệ với Việt Nam, Trung Quốc cũng thể hiện khá cứng rắn tinh thần lợi ích quốc gia của mình.

Vì lợi ích quốc gia, Trung Quốc đã bỏ qua hữu nghị và “bốn tốt”. Năm 1974, trong bối cảnh nhân dân Việt Nam đang hoàn thành sứ mệnh “đánh cho ngụy nhào”, Trung Quốc đã “tranh thủ” chiếm

đoạt quần đảo Hoàng Sa (Paracel) của Việt Nam. Năm 1979, Trung Quốc đã tiến hành cuộc chiến tranh biên giới với tinh thần “dạy cho Việt Nam một bài học”, làm cho nhân dân hai nước trải qua nhiều mất mát thương đau. Trung Quốc đã dẫn thêm một bước trong chiến lược “gặm nhấm” vùng biển của Việt Nam. Năm 1988, hải quân Trung Quốc đã chiếm một số hòn đảo thuộc quần đảo Trường Sa (Spratly) của Việt Nam, thực hiện âm mưu có mặt tại Trường Sa.

Tháng 5 – 2009, Trung Quốc tiếp tục khẳng định yêu sách chủ quyền trên Biển Đông bằng việc công khai đường 9 đoạn hay còn gọi là “đường lưỡi bò” yêu sách chủ quyền trên 80% diện tích mặt nước thực tế tại Biển Đông. Từ đó đến nay, vấn đề Biển Đông trong đó có vấn đề chủ quyền ở hai quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa luôn là vấn đề nóng trong quan hệ hai nước.

Hàng năm, Trung Quốc đơn phương ra lệnh cấm ngư dân Việt Nam đánh cá trên vùng biển Hoàng Sa. Rất nhiều tàu thuyền đánh cá của Việt Nam bị phía Trung Quốc bắt giữ. Ngư dân Việt Nam bị đối xử không tốt, thậm chí bị đánh đập và bị đòi nộp phạt. Nhiều điều khoản về Luật Biển quốc tế không được tôn trọng.

Mới đây, phía Trung Quốc đã hai lần ngang ngược phá hoại hoạt động kinh tế của Việt Nam trên vùng Biển Đông.

Ngày 26-5-2011, 3 tàu hải giám Trung Quốc đã chủ động chạy qua khu vực thả dây cáp, cắt cáp thăm dò của tàu Bình Minh 02 của Việt Nam đang hoạt động trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam. Tiếp đó, ngày 9-6-2011, được sự yểm trợ của các tàu Ngư chính, tàu đánh cá Trung Quốc đã lao vào phá cáp của tàu Viking II đang thăm dò địa chấn trong phạm vi 200 hải lý trên thềm lục địa của Việt Nam. Sự việc xảy ra tại tọa độ 6°47,5' vĩ Bắc; 109°17,5' kinh Đông. Theo bà Nguyễn Phương Nga: "Khu vực tàu Viking II đang thu nổ nói trên thuộc phạm vi 200 hải lý trên thềm lục địa Việt Nam, hoàn toàn thuộc quyền chủ quyền của Việt Nam theo Công ước về Luật Biển quốc tế năm 1982"⁽¹⁰⁾. Đại diện Bộ Ngoại giao Việt Nam khẳng định hành động của các tàu cá và tàu Ngư chính Trung Quốc là "hoàn toàn có chủ ý, được tính toán và chuẩn bị kỹ lưỡng". Hành động đó vi phạm quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam, vi phạm tinh thần của Tuyên bố chung về ứng xử trên Biển Đông giữa ASEAN và Trung Quốc ký năm 2002, vi phạm Công ước về Luật Biển quốc tế UNCLOS 1982 và đi ngược lại nhận thức chung của lãnh đạo cấp cao hai nước về việc duy trì hòa bình và ổn định trên Biển Đông, gây thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam⁽¹¹⁾.

Rõ ràng, vì lợi ích quốc gia, bất cứ lúc nào có điều kiện thuận lợi, Trung Quốc sẵn sàng phá bỏ "16 chữ" và "bốn tốt"

trong quan hệ với Việt Nam. Quan hệ Việt-Trung rõ ràng bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi nhân tố này.

Về mặt chiến lược và địa chính trị, Trung Quốc đang tìm đường ra biển lớn. Biển Đông được coi là lối ra duy nhất để Trung Quốc thực hiện "chiến lược Hải dương xanh" tiến ra biển lớn Việt Nam bị coi là vật cản trên con đường "Nam tiến" của Trung Quốc nên quan hệ hai nước giai đoạn hiện tại gặp rất nhiều khó khăn trong vấn đề Biển Đông.

Vì "đại cục" như Trung Quốc thường nói, hay như quan điểm đối ngoại của Việt Nam, luôn muốn giải quyết vấn đề tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển đảo theo phương cách hòa bình, các bên đồng thuận và tuân thủ DOC cũng như Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc. Thiết nghĩ, cả hai bên, trong tình hình căng thẳng hiện nay phải hết sức kiềm chế, theo phương châm "biến việc to thành việc nhỏ" chứ không nên "biến việc nhỏ thành việc to" mới có thể tìm ra giải pháp phù hợp để tránh xảy ra xung đột tại Biển Đông.

IV. SỨC MẠNH MỀM

Những năm gần đây, lợi dụng tình hình thế giới và những điều kiện trong nước, Trung Quốc đã tích cực triển khai "sức mạnh mềm" nhưng rất "cứng" của mình. Có thể nói đó là sự "xuất khẩu" giá trị Trung Quốc ra bên ngoài. Và sức mạnh mềm Trung Quốc đã gây ảnh hưởng nhất định đến Việt Nam và quan

hệ Trung –Việt. Ảnh hưởng sức mạnh mềm Trung Quốc đối với Việt Nam được thể hiện trên nhiều lĩnh vực chính trị, kinh tế, đời sống văn hóa - xã hội v.v...

Về chính trị: Lợi dụng sự tương đồng về quan điểm và đường lối, nhiều “kinh nghiệm Trung Quốc” đã len lỏi được vào một số quyết sách của Việt Nam. Điều này đã được trình bày trong mục nhỏ “Tam nông” như đã nêu ở phần trên.

Về kinh tế: Lợi dụng “sức nặng” kinh tế, nhiều hợp đồng, dự án kinh tế có vốn của Trung Quốc được ký kết nhưng kèm theo nhiều điều kiện của nước này. Trong rất nhiều dự án xây dựng, kể cả một số dự án năng lượng, dự án bôxít ở Tây Nguyên, Trung Quốc không sử dụng lao động Việt Nam mà đưa lao động từ Trung Quốc sang. Điều này gây không ít khó khăn cho Việt Nam trong quản lý người nước ngoài và không ngoại trừ cả khía cạnh an ninh.

Về văn hóa, xã hội: Với lợi thế nhiều tiền, Trung Quốc sản xuất rất nhiều phim mang dấu ấn Trung Quốc và những phim này gần như được “cho không” Việt Nam. Vì vậy, trên truyền hình Việt Nam, đa phần thời lượng phát sóng trên nhiều kênh là chiếu các loại phim của Trung Quốc. Một điều đơn giản là những phim ấy được phép phát miễn phí. Hậu quả là nhiều trẻ em Việt Nam hiểu lịch sử Trung Quốc hơn hiểu lịch sử đất nước mình. Nhiều “giá trị Trung Quốc” âm thầm xâm nhập vào đời

sống tinh thần và sinh hoạt cũng như lối sống của nhiều tầng lớp nhân dân Việt Nam.

Ngược lại, tại Trung Quốc những phim ảnh của Việt Nam ngày càng bị cắt giảm thời lượng xuất hiện trước công chúng. Rất nhiều báo chí Trung Quốc không đề cập đến những khía cạnh tích cực trong đời sống tinh thần của Việt Nam, đôi khi còn ngược lại, có nhiều bài viết mang tính chỉ trích Việt Nam, làm sai lệch hình ảnh Việt Nam trong cộng đồng cư dân Trung Quốc.

Trong tiềm thức của nhiều người Việt Nam, hàng hóa giá rẻ của Trung Quốc đã phần nào không còn hấp dẫn nữa, phim ảnh Trung Quốc đã ít thu hút được khán giả... Như vậy, sức mạnh mềm của Trung Quốc không những không phát huy sức mạnh của mình tại Việt Nam mà còn làm ảnh hưởng tới hình ảnh của nước này đồng thời ảnh hưởng chung đến quan hệ hai nước.

*

Những nhân tố tiêu cực kể trên đều đã và đang để lại dấu ấn mang tính kìm hãm sự phát triển quan hệ giữa hai nước. Nếu dấu ấn “lợi ích quốc gia” dễ dàng nhận ra nhất và dễ dàng (tuy rất khó khăn) tìm ra biện pháp giải quyết, cho dù không đạt được kết quả, thì những dấu ấn còn lại rất khó nhận dạng, nên rất khó có được những biện pháp hữu hiệu để hóa giải.

Nhận biết được một số nhân tố tiêu cực ảnh hưởng đến sự phát triển quan hệ hai nước, Đảng, Chính phủ và nhân dân hai nước mới có thể tìm ra được những hướng đi hợp tình hợp lý mang tính xây dựng để thúc đẩy mối quan hệ Việt - Trung. Chỉ trên cơ sở văn hóa, văn minh và tinh thần hữu nghị thực sự, các thể hệ mai sau của hai nước mới mong xây dựng được mối quan hệ tốt đẹp, bền vững, ổn định và chung sống trong hòa bình, hữu nghị.

CHÚ THÍCH:

(1) <http://www.giaoduc.edu.vn/news/hoat-dong-713/ngon-ngang-nong-thon-moi-bai-hoc-tu-trung-quoc-145641.aspx>

(2) <http://www.toquoc.gov.vn/Thongtin/O-Cua-Chau-A/Trung-Quoc-Chenh-Lech-Giau-Ngheo-Tang-Nhanh.html>

(3) Tài liệu đã dẫn.

(4) <http://www.toquoc.gov.vn/Thongtin/Y-Kien-Binh-Luan/Trung-Quoc-Co-The-Xay-Dung-Duoc-Xa-Hoi-Hai-Hoa-Chang-Li.html>

(5) <http://www.gentraco.com.vn/vn/tin-tuc/du-kien-xuat-khau-gao-cua-viet-nam-giai-doan-2008-2010.html>

(6) <http://www.vinanet.com.vn/tin-thi-truong-hang-hoa-vietnam.gplist.288.gpopen.191076.gpside.1.gpnewtitle.du-bao-xuat-khau-gao-cua-viet-nam-dat-7-1-den-7-4-trieu-tan.aspx>

(7) <http://www.sggp.org.vn/thitruongkt/2011/1/249749/>

(8) <http://dantri.com.vn/c76/s76-487382/tai-sao-viet-nam-lai-nhap-sieu-manh-tu-trung-quoc.htm>

(9) <http://www.tinkinhte.com/thuong-mai/phan-tich-du-bao/sao-viet-nam-sieu-trung.nd5-dt.143556.005135.html>

(10) <http://vnexpress.net/gl/the-gioi/2011/06/trung-quoc-pha-cap-tau-tham-do-cua-viet-nam/>

(11) Tài liệu đã dẫn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *CHND Trung Hoa 60 năm xây dựng và phát triển*, NXB. Chính trị quốc gia. Hà Nội, 2010.

2. *Trung Quốc năm 2009-2010* (PGS.TS. Đỗ Tiến Sâm, TS. Nguyễn Xuân Cường chủ biên), NXB. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2010.

3. *Vấn đề tam nông ở Trung Quốc: Thực trạng và giải pháp* (PGS.TS. Đỗ Tiến Sâm chủ biên), NXB. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2008.

4. Đỗ Minh Cao: *Tham nhũng và cải cách chính trị ở Trung Quốc*, Nghiên cứu Trung Quốc, số 3 (103).- Tr. 14-25- 2010.

5. Đỗ Minh Cao: *Trung Quốc năm 2020*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, số 5 (111), Tr. 9-17.- 2010.

6. Đỗ Minh Cao: *An ninh Biển Đông nhìn từ tranh chấp lợi ích kinh tế giữa các nước liên quan*, Tạp chí Quan hệ quốc phòng, số 12, Tr. 59-65.- 2010.

7. Đỗ Minh Cao: *Nhân tố Trung Quốc trong quan hệ an ninh vùng biển châu Á-Thái Bình Dương*, Tạp chí Quan hệ quốc phòng, số 14, Tr. 40-45.- 2011.

8. *Tam nông Trung Quốc: Bẫy thành tựu bốn vấn đề*, http://www.agro.gov.vn/news/news_detail.asp?targetID=9815

9. *Trung Quốc: Chênh lệch giàu nghèo tăng nhanh*, <http://www.toquoc.gov.vn/Thongtin/O-Cua-Chau-A/Trung-Quoc-Chenh-Lech-Giau-Ngheo-Tang-Nhanh.html>

